

Bản án số: 26 /2020/DS-PT

Ngày: 03-6-2020

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

Và yêu cầu hủy di chúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phúc, bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLPT-DS ngày 06/12/2019, về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy di chúc”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXX-PT, ngày 27-4-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hồng L – sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Thi, sinh 1983,

Địa chỉ liên lạc: 161 N, khu phố 1 phường P, TP. T, tỉnh Bình Thuận, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn S – sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số Y hẻm N, khu phố 5, phường X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Kim C – sinh năm 1945.

Địa chỉ: Số nhà Q, thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Trần Văn P – sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà Z, t thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông Trần Văn T – sinh năm 1951.

4/ Bà Trần Văn T1– sinh năm 1949.

5/ Bà Trần Thị Thanh T– sinh năm 1963.

6/ Bà Trần Thị Thanh T2 – sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

7/ Bà Phan Thị Ph – sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số Y hẻm N, khu phố 5, phường X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông P, ông T, bà C, bà T1: Ông Trần Hồng L– sinh năm 1955. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 20/9/2018, có mặt.

8/ Bà Trần Thị Thanh T – sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, Bình Thuận.

9/ Ông Trần Thành A – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 5 thôn Th, xã Q, thị xã L, Đồng Nai.

10/ Ông Trần Quốc T – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện B, Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ân, ông Tiến: Ông Trần Hồng L– sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 25/7/2019, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn S, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hồng L , trình bày: Ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản do cha mẹ ông để lại. Cha ông tên là ông Trần Q và mẹ là Nguyễn Thị L, hiện nay cha mẹ ông đã chết. Về quan hệ gia đình ông như sau: Ông nội tên Trần Văn Th, sinh năm 1876 (chết năm 1949); Bà nội tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1879(chết năm 1950); Ông ngoại tên Trần Văn L, sinh năm 1874(chết năm 1949); Bà ngoại tên Đinh Thị L, sinh năm 1877(chết năm 1952). Cha mẹ ông sinh được 09 anh chị em bao gồm: Ông Trần Văn B, sinh năm 1947(chết năm 1970, chưa có vợ con), ông Trần Văn S, ông Trần Văn P, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Văn T1, bà Trần Thị Thanh T2 và ông là Trần Hồng L.

Vào năm 1993 cha mẹ ông già yếu nên có gọi các con về họp giải quyết người nào chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ sẽ được hưởng thừa kế diện tích đất 2.192m² và 3.200m² đất ruộng cùng căn nhà tình nghĩa cấp 4 diện tích 120m² và ông là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cha mẹ từ đó cho đến nay.

Cha ông chết vào ngày 28/8/1999, mẹ ông chết vào ngày 03/7/2008. Sau khi cha mẹ qua đời ông S đưa ra Giấy Di chúc ủy quyền thừa kế lập ngày 02/6/1999 và được Chủ tịch xã H chứng nhận vào ngày 03/9/1999.

Ông khẳng định Di chúc lập ngày 02/6/1999 do ông S cung cấp là di chúc bất hợp pháp.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy di chúc do ông Trần Q và bà Nguyễn Thị L lập ngày 02/6/1999 được Chủ tịch xã H chứng nhận ngày 03/9/1999. Chia thừa kế di sản của cha mẹ ông để lại theo pháp luật cho 08 người đồng thừa kế. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Tại bản khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn S, trình bày: Về mối quan hệ gia đình của ông Trần Q, bà Nguyễn Thị L đúng như nguyên đơn trình bày. Tài sản cha mẹ ông để lại cho ông theo Giấy Di chúc ủy quyền thừa kế lập ngày 02/6/1999, được Chủ tịch UBND xã H chứng nhận vào ngày 03/9/1999 gồm các tài sản: Diện tích đất 2.192m² qua đo đạc hiện trạng 3.838,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0885762 cấp ngày 18/01/2000 đứng tên Nguyễn Thị L, trên đó có ngôi nhà tình nghĩa cấp 4 diện tích đo đạc hiện trạng 54,72m²; Diện tích 3.200m² đất ruộng Bàu qua đo đạc hiện trạng 2.907,2m².

Vào năm 1998, vợ chồng ông có trồng 400 trụ cây Thanh Long trên thửa đất 2.192m² và sử dụng từ đó cho đến nay. Còn nhà cấp 4 tạm giao cho ông L ở cùng với cha mẹ để làm Thanh Long cho ông. Đối với diện tích 3.200m² ông để cho ông L sử dụng để ông lấy lúa.

Vào năm 2014 ông L có kiện ông ra UBND xã H do tranh chấp về phần tài sản nêu trên. Tại UBND xã H, ông L đồng ý giao tất cả tài sản cho ông với điều kiện ông giao cho ông L số tiền 40.000.000đ thì ông L sẽ đi ra khỏi nhà và giao lại nhà và đất, ông L không sử dụng nữa. Nhưng sau đó ông L không ra khỏi nhà, nên ông cũng chưa đưa số tiền trên cho ông L.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L, vì tài sản này cha mẹ đã giao cho ông bằng di chúc thì tài sản này thuộc quyền sử dụng của ông, ông chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông L số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và ông L phải giao trả lại toàn bộ tài sản trên cho ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, bà T, ông P, ông T, bà Ch, trình bày: Các ông bà đồng ý thống nhất với lời trình bày của ông L. Các ông, bà không biết gì về bản di chúc do ông S cung cấp. Các

ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên Bản di chúc do ông Trần Q và bà Nguyễn Thị L lập ngày 02/6/1999 được Chủ tịch UBND xã H chứng nhận ngày 03/9/1999 là di chúc bất hợp pháp; các ông, bà yêu cầu chia thừa kế di sản cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản mà các ông bà được nhận, các ông bà giao cho ông Trần Hồng Liêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh Th, trình bày: Bà yêu cầu Tòa án xem xét lại Di chúc lập ngày 02/6/1999 của cha mẹ bà. Nếu Di chúc đúng thì yêu cầu thực hiện đúng như di chúc, còn nếu Di chúc không đúng thì yêu cầu chia di sản cha mẹ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ph, trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn S. Qua lời trình bày của ông S thì bà hoàn toàn thống nhất. Đối với tài sản là di sản của cha mẹ ông S để lại thì bà yêu cầu ông L giao lại cho ông S, vợ chồng bà sẽ đồng ý hỗ trợ 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho để ông L ra khỏi nhà và phải giao lại toàn bộ tài sản là nhà và Thanh long cho vợ chồng bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh Tn, trình bày: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ nhỏ cho đến khi lấy chồng thì chị ở với ông bà nội và có cùng hộ khẩu cùng ông bà nội nên chị cũng được Nhà nước cấp một khẩu phần ruộng chung với ông bà. Nay ông Trần Hồng L yêu cầu chia thừa kế thì chị có ý kiến: Phần của chị trong diện tích đất được Nhà nước cấp cho hộ gia đình thì chị không yêu cầu nhận đất và đồng ý giao lại cho ba là Trần Hồng L.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thành Á, anh Trần Quốc T2 trình bày: Các anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ nhỏ các anh ở với ông bà nội và có cùng hộ khẩu cùng ông bà nội nên các anh cũng được Nhà nước cấp một khẩu phần ruộng chung với ông bà. Nay ông Trần Hồng L yêu cầu chia thừa kế thì các anh có ý kiến: Phần của các anh trong diện tích đất được Nhà nước cấp cho hộ gia đình thì các anh không yêu cầu nhận đất và đồng ý giao lại cho ba là Trần Hồng L.

Sau khi hoà giải không thành, ngày 13/9/2019 Toà án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 28/2019/DSST, quyết định:

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 14 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 636, Điều 637, Điều 638, Điều 639, Điều 649, Điều 652, Điều 653,

Điều 655, Điều 657, Điều 659, Điều 660, Điều 661, Điều 677, Điều 678, Điều 679, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 224, Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685, Điều 733, Điều 734, Điều 735, Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 167, Khoản 1 Điều 179, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điểm d Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hồng L về yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Q, bà Nguyễn Thị L bao gồm: Bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Văn T, ông Trần Văn S, ông Trần Hồng L, ông Trần Văn P, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh Th.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Trần Q, bà Nguyễn Thị L chết để lại gồm: Thừa đất qua đo đạc hiện trạng có diện tích 3.838,7m² (trong đó có số diện tích 400m² đất ở trị giá 200.000.000 đồng; 3.438,7m² đất nông nghiệp trị giá 206.322.000 đồng); 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 54,72m² trị giá 52.531.200đ; 969,06m² đất ruộng Bàu trị giá 116.287.200đ, tổng cộng là 575.140.400 đồng.

3. Tuyên bản di chúc ủy quyền thừa kế lập ngày 02/6/1999 được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 03/9/1999 của ông Trần Q, bà Nguyễn Thị L để lại tài sản cho ông Trần Văn S là Di chúc không hợp pháp.

4. Chia di sản thừa kế của ông Trần Q, bà Nguyễn Thị L theo quy định pháp luật bao gồm: Thừa đất qua đo đạc hiện trạng có diện tích 3.838,7m²; 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 54,72m²; 969,06m² đất ruộng Bàu cho các đồng thừa kế gồm: Bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Văn T, ông Trần Văn S, ông Trần Hồng L, ông Trần Văn P, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh Th ký phần thừa kế mỗi người được hưởng có trị giá 68.656.900đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn P, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Văn T1 cho ông Trần Hồng L ký phần thừa kế được hưởng của mỗi người người theo pháp luật là 68.656.900 đồng. Ông Trần Hồng L không phải thanh toán giá trị bằng tiền cho ông Trần Văn P, ông Trần Văn Tài, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Văn T.

6. Giao cho ông Trần Hồng L được quyền sử dụng:

+ Thừa đất qua đo đạc hiện trạng có diện tích 3.838,7m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0885762 cấp ngày

18/01/2000 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp đứng tên bà Nguyễn Thị L. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 54,72m²; 310 trụ thanh long. Vị trí khu đất có tứ cận: Đông giáp: Đất ông Đinh Văn Th1; Tây giáp: Đường đất; Nam giáp: Đất ông Phan Văn H, bà Lê Thị L; Bắc giáp: Đường đất. (Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 25/10/2018 kèm theo).

+ Diện tích 969,06m² đất ruộng thuộc thửa đất ruộng Bàu có diện tích 2.907,2m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện B. Vị trí khu đất có tứ cận: Đông giáp: Đất còn lại hộ ông Trần Q; Tây giáp: Đất ông Nguyễn Văn T; Nam giáp: Đất ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T; Bắc giáp: Đất ông Huỳnh Quý Hg. (Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 25/10/2018 kèm theo).

Ông Trần Hồng L có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị Thanh Th mỗi người số tiền 68.656.900 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Ông Trần Hồng L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn S, bà Phan Thị Ph số tiền trị giá cây Thanh long 133.300.000 đồng và tiền công sức tôn tạo di sản 20.632.000 đồng, tổng cộng là 153.932.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Ông Trần Hồng L có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối các diện tích đất được giao tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, ông Trần Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa thấu tình đạt lý và đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Văn S yêu cầu chia thừa kế theo di chúc lập ngày 02/6/1999, được UBND xã H chứng nhận ngày 03/9/1999.
- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến và đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

[1] Hai cụ Trần Q và Nguyễn Thị L là cha mẹ của ông Trần Văn B, sinh năm 1947 (chết năm 1970, chưa có vợ con), ông Trần Văn S, ông Trần Văn P, ông Trần Văn Ti, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Văn T, bà Trần Thị Thanh Th và ông là Trần Hồng L. Cụ Q chết ngày 28/8/1999, cụ L chết ngày 03/7/2008.

Di sản hai cụ để lại gồm có: Diện tích 2.192m² đất qua đo đạc hiện trạng 3.838,7m², trên đó có Nhà tình nghĩa cấp 4 diện tích qua đo đạc hiện trạng 54,72m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0885762 cấp ngày 18/01/2000 đứng tên Nguyễn Thị L; Diện tích 969,06m² đất thuộc thửa đất ruộng Bàu diện tích 2.907,2m².

[2] Theo nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của cụ Q và cụ L khai cha mẹ các ông bà chết không để lại di chúc. Các ông, bà không biết gì về di chúc lập ngày 02/6/1999, mà ông S yêu cầu chia thừa kế.

[3] Theo ông S, khi cha mẹ còn sống có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông và ông yêu cầu chia thừa kế theo Di chúc lập ngày 02/6/1999, được UBND xã H chứng nhận ngày 03/9/1999.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông S thừa nhận di chúc lập ngày 02/6/1999 là do mẹ ông đọc cho ông viết vì mẹ ông không biết chữ; di chúc này không người làm chứng. Sau đó ông cùng mẹ đem di chúc này ra Ủy ban nhân dân xã H xác nhận;

Theo Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: *Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 656 và Điều 657 của Bộ luật này.*

[3.2] Theo ông L khai mẹ ông là cụ L không biết chữ, không biết ký tên, khi cần ký giấy tờ gì thì chỉ lăn tay điểm chỉ; lời khai của ông L cũng phù hợp với lời khai của ông S tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Cụ Q và cụ L không tự viết di chúc nhưng lại không có người làm chứng là vi phạm quy định nêu trên. Ông S là người được thừa kế theo di chúc nhưng lại tự mình viết di chúc, ông S cũng không phải người làm chứng vì người thừa kế theo di chúc không thể làm chứng cho việc lập di chúc được quy định tại khoản 1 Điều 657 Bộ luật Dân sự năm 1995.

[3.3] “Giấy di chúc ủy quyền thừa kế” lập ngày 02/6/1999 có chứng nhận của Chủ tịch UBND xã H ngày 03/9/1999, nội dung chứng nhận: Tờ di chúc thừa kế do vợ chồng ông Trần Q công dân xã H xác lập.

Nhưng tại thời điểm Chủ tịch UBND xã H chứng nhận thì cụ Q đã chết. Nên, việc Chủ tịch UBND xã H xác nhận *di chúc do cụ Q xác lập* là không đúng thực tế và trái quy định của pháp luật.

[3.4] Hơn nữa, về nội dung bản di chúc cũng không nêu cụ thể số tài sản mà ông S được hưởng là loại tài sản gì, ở đâu, có giấy tờ gì không vv...

[4] Ông Trần Văn S kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bản di chúc ủy quyền thừa kế lập ngày 02/6/1999 đứng tên cụ Trần Q và cụ Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 03/9/1999 là Di chúc không hợp pháp, là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Nên theo quy định của pháp luật, thì ông Trần Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 636, Điều 637, Điều 638, Điều 639, Điều 649, Điều 652, Điều 653, Điều 655, Điều 657, Điều 659, Điều 660, Điều 661, Điều 677, Điều 678, Điều 679, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 224, Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685, Điều 733, Điều 734, Điều 735, Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 167, Khoản 1 Điều 179, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng L về yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Q và cụ Nguyễn Thị L gồm có: Thừa đất qua đo đạc hiện trạng có diện tích 3.838,7m² (trong đó có 400m² đất ở trị giá 200.000.000 đồng; 3.438,7m² đất nông nghiệp trị giá 206.322.000 đồng); 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 54,72m² trị giá 52.531.200 đồng; 969,06m² đất ruộng Bàu trị giá 116.287.200 đồng, tổng cộng là 575.140.400 đồng.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Q và cụ Nguyễn Thị L gồm có các ông, bà: Trần Thị Kim C, Trần Thị Thanh T, Trần Văn T, Trần Văn S, Trần Hồng L, Trần Văn P, Trần Văn T2, Trần Thị Thanh Th.

3. Tuyên bố: Bản “Di chúc ủy quyền thừa kế” đứng tên cụ Trần Q và cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/6/1999 được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận chứng thực ngày 03/9/1999, là Di chúc không hợp pháp.

4. Chia thừa kế bằng tiền theo quy định pháp luật cho các ông, bà: Trần Thị Kim C, Trần Thị Thanh T, Trần Văn T, Trần Văn S, Trần Hồng L, Trần Văn P, Trần Văn T1 và Trần Thị Thanh Th mỗi người được hưởng 01 phần bằng 68.656.900 đồng.

5. Chia thừa kế bằng hiện vật: Giao cho ông Trần Hồng L được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất gồm:

+ Thừa đất qua đo đạc hiện trạng có diện tích 3.838,7m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0885762 cấp ngày 18/01/2000 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp đứng tên Nguyễn Thị L. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 54,72m² và 310 trụ Thanh Long. Vị trí khu đất có tứ cận: Đông giáp: Đất ông Đình Văn T; Tây giáp: Đường đất; Nam giáp: Đất ông Phan Văn Hg, bà Lê Thị L; Bắc giáp: Đường đất. (Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 25/10/2018 kèm theo).

+ Diện tích 969,06m² đất ruộng thuộc thửa đất ruộng Bàu có diện tích 2.907,2m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện B. Vị trí khu đất có tứ cận: Đông giáp: Đất còn lại hộ ông Trần Q; Tây giáp: Đất ông Nguyễn Văn T; Nam giáp: Đất ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T; Bắc giáp: Đất ông Huỳnh Quý H. (Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 25/10/2018 kèm theo).

Ông Trần Hồng L có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị Thanh Th mỗi người 68.656.900 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Ông Trần Hồng L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn S, bà Phan Thị Ph 133.300.000 đồng trị giá 310 trụ cây Thanh Long và 20.632.000 đồng công sức tôn tạo di sản, tổng cộng là 153.932.000 (Một trăm năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Ông Trần Hồng L có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất được giao tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Đất đai.

6. Ông Trần Văn S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

7. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án); kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 03.6.2020

Nơi nhận:

- VKSND Bình Thuận;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP –TABT;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Cường